

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HOÁ**

Số: **79** /NQ - HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoàng Hoá, ngày **15** tháng 5 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung Đô thị Hoàng Hóa,  
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HOÁ  
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày  
06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư  
công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết  
một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-  
CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định  
số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội  
dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-  
2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 18145/UBND-CN ngày 05 tháng 12 năm 2022 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc nghiên cứu lập quy hoạch chung xây  
dựng đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của UBND  
huyện về việc Thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung Đô thị Hoàng Hóa, tỉnh  
Thanh Hóa đến năm 2045; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND ngày 12 tháng 5  
năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận  
của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung Đô thị Hoàng Hóa, tỉnh  
Thanh Hóa đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

**1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch chung**

**1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch**

- Quy mô nghiên cứu lập Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa trên toàn bộ địa giới hành chính huyện Hoàng Hóa, bao gồm 37 đơn vị hành chính (36 xã và 01 thị trấn), có ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp: Biển Đông.

+ Phía Tây giáp: Thành phố Thanh Hóa và huyện Thiệu Hóa.

+ Phía Nam giáp: Thành phố Thanh Hóa và thành phố Sầm Sơn.

+ Phía Bắc giáp: Huyện Hậu Lộc.

- Tỷ lệ bản đồ lập quy hoạch: 1/10.000.

## 1.2. Quy mô:

### a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng (năm 2022): 236.415 người;

- Dự báo quy mô dân số:

+ Dự báo đến năm 2030 khoảng: 285.808 người;

+ Dự báo đến năm 2045 khoảng: 435.651 người.

b) Quy mô diện tích: khoảng 203,8 km<sup>2</sup>

## 2. Tính chất đô thị

Là đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, là trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về công nghiệp và dịch vụ du lịch. Đô thị phát triển đa ngành, trong đó trọng tâm là phát triển dịch vụ du lịch gắn với kinh tế biển; phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới theo hướng hiện đại; phát triển đô thị, nhà ở, phát triển nông nghiệp công nghệ cao... nhằm hỗ trợ và giảm áp lực về hạ tầng cho thành phố Thanh Hóa, hướng tới đô thị thông minh, sinh thái, phát triển bền vững, thích nghi với các biến động của tự nhiên.

Là đô thị cửa ngõ phía Bắc của vùng đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa bao gồm thành phố Thanh Hóa - thành phố Sầm Sơn - Hoàng Hóa - Quảng Xương, có vị trí quan trọng về Quốc phòng, An ninh.

## 3. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch

### 3.1. Quan điểm lập quy hoạch

Xây dựng và phát triển Đô thị Hoàng Hóa phải trên cơ sở bám sát Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; tích hợp thống nhất các quy hoạch ngành trên địa bàn, làm công cụ để chỉ đạo toàn diện và thống nhất, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện trong từng thời kỳ.

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Phát triển kinh tế - xã hội đô thị Hoàng Hóa phải đặt trong tổng thể liên kết và gắn bó chặt chẽ trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa, cùng với thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, huyện Quảng Xương tạo thành một tổng thể hài hoà giữa giá trị truyền thống và tương lai, định hình vùng đô thị lớn của tỉnh Thanh Hóa.

Phát triển đô thị Hoàng Hóa trở thành Đô thị hiện đại thông minh, sinh thái, phát triển bền vững.

Xây dựng đô thị mới Hoàng Hóa phát triển bền vững kinh tế - xã hội và Quốc phòng - an ninh; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch tỉnh Thanh Hóa. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với phát triển Công nghiệp - dịch vụ du lịch là nền tảng; phát triển kinh tế số là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá công nghiệp vùng phía Tây gắn với khu công nghiệp Phú - Quý; khu CN Bắc Hoàng Hóa; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và vùng ven biển.

Phát triển đô thị Hoàng Hóa theo hướng bền vững dựa vào 3 trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với xu thế hợp tác và hội nhập; trên cơ sở đó đề xuất cơ chế chính sách phù hợp.

### 3.2. Mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng và phát triển Hoàng Hóa trở thành thị xã; đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Du lịch; nông nghiệp - thủy sản; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và văn minh đô thị; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; quốc phòng - an ninh được giữ vững; các tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh;

Mục tiêu đến năm 2045: Hoàng Hóa là đô thị hiện đại, sinh thái, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; có mức sống cao; kết nối chặt chẽ với thành phố Thanh Hóa và các đô thị trong vùng liên huyện số 1 về không gian đô thị, không gian phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm phát triển hài hoà giữa khu vực đô thị trung tâm và vùng ven, nâng cao điều kiện sống cho dân cư đô thị.

Làm cơ sở để triển khai lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn đô thị theo quy định và là công cụ pháp lý để chính quyền các cấp quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển theo quy hoạch được duyệt.

### 4. Các vấn đề cần giải quyết trong quá trình lập quy hoạch

Phân tích và làm rõ vai trò, vị trí, chức năng đô thị Hoàng Hóa trong tổng thể vùng liên huyện số 1 theo định hướng quy hoạch tỉnh Thanh Hóa.

Phân tích, làm rõ cơ sở hình thành phát triển của đô thị Hoàng Hóa; nghiên cứu về mô hình phát triển không gian, kiến trúc, môi trường phù hợp với tính chất, chức năng của đô thị; xác định các giai đoạn phát triển, kế hoạch thực hiện, các dự án có tính chất tạo động lực hình thành phát triển đô thị mới và mô hình quản lý phát triển đô thị; đánh giá môi trường chiến lược.

Rà soát quy hoạch đã được lập, xác định các vấn đề còn tồn tại cần giải quyết, các tiêu chuẩn để đô thị Hoàng Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025, làm cơ sở để hình thành thị xã Hoàng Hóa trước năm 2030. Có luận chứng khoa học, so sánh thực trạng, đối chiếu với các tiêu chuẩn đô thị và đơn vị hành chính theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị và về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Phân tích đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng tổng hợp và các nguồn lực phát triển đô thị. Đánh giá tác động của mối quan hệ vùng, tác động của các dự án quốc gia, tỉnh, tác động đến sự phát triển đô thị.

Xác định quy mô phát triển của đô thị phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của huyện về dân số đất đai cho từng giai đoạn quy hoạch (năm 2030, 2045). Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển đô thị trong tương lai phù hợp định hướng phát triển KT-XH của tỉnh và các quy hoạch ngành có liên quan.

Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật có liên quan: mức độ sử dụng đất đai, đề xuất các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất bình quân đầu người, quy hoạch chỉ tiêu bình quân đầu người về sử dụng xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, chỉ tiêu bình quân đầu người về nhà ở và chỉ tiêu về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Lập bản đồ quy hoạch định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2045, bao gồm: Không gian đô thị, bảo vệ môi trường và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (Giao thông, Chuẩn bị kỹ thuật, Cấp điện, Cấp nước, Thoát nước bản VSMT, đánh giá tác động môi trường theo đồ án quy hoạch) cho từng giai đoạn quy hoạch trên cơ sở thực trạng và dự báo hướng phát triển đô thị đến năm 2045.

Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất, xác các giải pháp quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật.

Xác định các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên.

Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị.

Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh khu trung tâm Hành chính - chính trị đến vị trí mới, đáp ứng các yêu cầu phát triển mới trong tương lai.

Soạn thảo quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

## **5. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản**

### 5.1. Yêu cầu về khảo sát địa hình

Hồ sơ Khảo sát địa hình phải đảm bảo theo Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14, ngày 14/6/2018 của Quốc Hội; nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Khảo sát bổ sung, hiệu chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hệ toạ độ VN2000, độ cao Nhà nước, ranh giới khảo sát và phương án khảo sát bổ sung, hiệu chỉnh được lập kèm theo nhiệm vụ.

### 5.2. Yêu cầu về hiện trạng và thu thập số liệu

Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

Đánh giá tổng hợp hiện trạng, nêu bật các tiềm năng, lợi thế so sánh nổi trội của Hoàng Hóa so với các huyện trong vùng liên huyện số 1. Các giải pháp để phát huy các tiềm năng nổi trội đó.

Đánh giá kỹ khu vực ven biển và các cửa biển Lạch Hới; Lạch Trường; các vùng trũng thấp ven sông Cung, sông Tào; các khu vực có nguy cơ sạt lở từ đó đưa ra biện pháp ứng phó phù hợp. Xác định các điểm nhấn cảnh quan và khai thác các tiềm năng để phát triển du lịch trong khu vực.

Yêu cầu đánh giá hiện trạng hạ tầng văn hóa - xã hội, hệ thống các công trình hạ tầng: công sở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao (đạt/chưa đạt quy chuẩn so với tiêu chuẩn đô thị loại IV), di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trong khu vực nghiên cứu Quy hoạch đã được xếp hạng, kiểm kê bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Đánh giá hiện trạng về tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch; tour/tuyến kết nối, sản phẩm/loại hình du lịch hiện đang khai thác phát triển; kết quả hoạt động kinh doanh du lịch tại khu vực nghiên cứu quy hoạch.

Đánh giá tổng hợp và lựa chọn quỹ đất xây dựng đô thị, trên cơ sở các tiêu chí xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng. Xác định các khu vực có tiềm năng về tự nhiên, có thể khai thác tạo động lực phát triển kinh tế, đô thị.

### 5.3. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị

Xác định tiềm năng, động lực hình thành và phát triển đô thị Hoàng Hóa; Xác định tính chất, quy mô dân số, lao động và quy mô đất đai xây dựng đô thị; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu cho các giai đoạn phát triển đô thị. Xác định các mối liên kết tương hỗ về không gian giữa đô thị Hoàng Hóa với hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa, các đô thị lớn trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc Trung bộ. Đặc biệt là mối quan hệ không gian giữa khu vực và các đô thị lân cận.

Phân tích các yếu tố lịch sử, truyền thống của khu vực, từ đó có những luận chứng khoa học và thực tế cho việc hình thành đô thị Hoàng Hóa trong tương lai. Định hướng các giai đoạn để công nhận toàn huyện đạt tiêu chí đô thị

loại IV trước năm 2025, tiến tới thành lập thị xã Hoàng Hóa trước năm 2030.

Định hướng phát triển không gian đô thị bao gồm nội thị và ngoại thị:

Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, nguyên tắc phát triển đối với các khu chức năng; Ngưỡng phát triển về mật độ xây dựng và tầng cao, quy định các loại hình kiến trúc cho từng khu vực; Khả năng dung nạp, ngưỡng phát triển về dân số và nguyên tắc kiểm soát phát triển.

Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng; các khu chuyển đổi chức năng; khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo; khu cần bảo tồn, tôn tạo (Khoanh vùng, xác định các khu chức năng đặc biệt để đề xuất các vấn đề về bảo tồn, bảo vệ, cho phép phát triển, giữ nguyên .v.v...) đặc biệt chú trọng đến công tác khoanh vùng bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố theo quy định của Luật Di sản văn hóa; xác định các khu cấm xây dựng; các khu dự trữ phát triển.

Xác định hệ thống trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ (phát triển hệ thống thương mại dịch vụ đô thị, bao gồm các trung tâm dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, khách sạn, các trung tâm mua sắm...), trung tâm công cộng, TDTT, công viên đô thị; trung tâm chuyên ngành cấp đô thị.

Giải pháp cho khu đô thị hiện hữu: Trên quan điểm, hạn chế xáo trộn các khu đông dân cư đã ổn định. Giải pháp cho các khu vực phát triển mới: Đề xuất ý tưởng, các mục tiêu, định hướng phát triển và mở rộng đô thị. Vị trí, vai trò các khu vực đô thị trong mối liên hệ tổng thể;

#### 5.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

##### a. Yêu cầu về định hướng giao thông

Tuân thủ phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định 11/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT.

Đối với các đường Quốc lộ, đường Tỉnh, và các đường trục chính trong khu đô thị nghiên cứu hệ thống đường gom để hạn chế giao cắt trực tiếp làm ảnh hưởng đến năng lực khai thác của tuyến đường và đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

Đối với các vị trí nút giao của các tuyến giao thông: nghiên cứu thiết kế làn tách, nhập để tăng khả năng lưu thông qua nút giao, đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện khi tham gia giao thông.

Đối với các tuyến đường quy hoạch mới phải thiết kế vỉa hè rộng từ 5m trở lên để trồng cây xanh theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 216/TB-UBND ngày 13/11/2020.

Nghiên cứu bố trí dải cây xanh cách ly các khu nghĩa trang, cụm công nghiệp, khu hạ tầng kỹ thuật với các tuyến giao thông bên ngoài (nằm ngoài hành lang an toàn giao thông các tuyến đường) để đảm bảo vệ sinh môi trường,

đảm bảo tiếng ồn trong quá trình khai thác.

Nghiên cứu giải pháp thiết kế đảm bảo tiếp cận các công trình xây dựng, đường và hè phố, ... đối với người khuyết tật theo quy định tại Điều 40 của Luật người khuyết tật năm 2010 và quy định của QCVN 10:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng (theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2479/UBND-CN ngày 01/3/2021 về việc tăng cường thực hiện tiếp cận các công trình xây dựng, đường và hè phố đối với người khuyết tật).

Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hoá. Xây dựng chiến lược vận tải đô thị để kiểm soát giao thông, gồm cả khu vực trung tâm cũ;

Xác định các công trình giao thông đầu mối, các trung tâm tiếp vận và hậu cần đặc biệt là kết nối với tuyến cao tốc Bắc - Nam; kết nối giữa đô thị với các tuyến QL1A; QL 10 và tuyến đường bộ ven biển;

Quy hoạch các đầu mối giao thông như bến xe đảm bảo thuận tiện cho người dân, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông thông minh; Đề xuất định hướng phát triển hệ thống giao thông ngầm; định hướng phát triển hệ thống giao thông tĩnh;

Nghiên cứu định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng để hạn chế phương tiện cá nhân, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

#### b. Yêu cầu về cao độ nền và thoát nước mưa

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng nền xây dựng bao gồm cả đô thị và khu vực phụ cận, và thực trạng cũng như tính khớp nối thoát nước mưa thông qua toàn hệ thống; lưu vực; mạng lưới; các dự án đã và đang triển khai;

Đánh giá về hệ thống sông suối, đặc điểm nguồn nước mặt, chế độ thủy văn, thủy triều, đánh giá tiềm năng các nguồn nước, xác định các khu vực có tiềm năng khai thác, vùng hạn chế khai thác; đánh giá các thuận lợi, khó khăn làm cơ sở đưa ra các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật và cấp thoát nước; Làm rõ hơn chế độ thủy triều của biển, của sông Mã, sông Tào và sông Cung khả năng gây ngập lụt; Đề xuất chiến lược cải tạo cao độ nền và thoát nước mặt toàn đô thị; Không chế và quản lý chặt chẽ cao độ xây dựng cho các khu đô thị;

Đề xuất các giải pháp san lấp tạo mặt bằng xây dựng. Chú ý cần bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, bảo vệ an toàn các đô thị trong khai thác sử dụng đất đai, khắc phục các tồn tại và phát huy được tiềm năng thiên nhiên và các đặc thù của vùng; Đề xuất hệ thống thoát nước mưa hợp lý, tối đa tách hệ thống thoát nước thải; Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến thiên nhiên hoặc khắc phục các tình trạng động đất, trượt lở, lũ quét, biến đổi khí hậu và nước biển dâng...;

#### c. Yêu cầu định hướng Cấp nước

Dự báo nhu cầu sử dụng nước toàn đô thị và theo các khu vực trong đô

thị; Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước (có tính toán thủy lực); Xác định quy mô, vị trí các công trình đầu mối cấp nước; công suất khai thác; Đề xuất các biện pháp phòng chống cháy, hỏa hoạn; Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và nhà máy xử lý; Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế phù hợp với quy chuẩn, pháp luật hiện hành.

d. Yêu cầu định hướng cấp điện và chiếu sáng đô thị

Dự báo nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng – thương mại dịch vụ, điện sản xuất; Đề xuất lưới truyền tải và phân phối điện: Lưới truyền tải điện cao áp (220KV và 110KV), Lưới phân phối điện trung áp;

Đề xuất các giải pháp thiết kế lưới điện không ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị (ngầm hóa hệ thống cấp điện và hạ tầng viễn thông trên phạm vi toàn thành phố). Làm rõ hơn về quy hoạch chiếu sáng đô thị.

e. Yêu cầu định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

Định hướng xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động: Xác định vị trí tổng đài bưu điện, trạm vệ tinh mặt đất (nếu có), các tuyến cáp thông tin liên lạc.

f. Thoát nước thải, quản lý CTR (chất thải rắn) và nghĩa trang

Nghiên cứu tính toán toán thủy văn làm cơ sở xác định khẩu độ các công trình thoát nước đảm bảo theo quy định.

Xác định hệ thống thoát nước cho từng khu vực trong đô thị, xác định vị trí, công suất, quy mô của các trạm làm sạch, trạm bơm;

Các yêu cầu vệ sinh đối với các loại nước thải sau khi xử lý. Định hướng về công tác thoát nước thải/chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, y tế, xây dựng, nông nghiệp...); Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang;

Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom, vận chuyển và quản lý CTR. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển CTR hiện có. Đề xuất vị trí các điểm trung chuyển CTR; Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn.

5.5. Yêu cầu định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội theo hướng lồng ghép các quy hoạch ngành, bao gồm các lĩnh vực sau:

- Nhà ở: Định hướng phát triển các loại hình nhà ở mới, kết hợp đề xuất các giải pháp cải tạo chỉnh trang các khu ở dân cư, làng xóm hiện trạng. Xác định cụ thể các chỉ tiêu về nhà ở và các yêu cầu quy hoạch phát triển nhà ở. Chú trọng các khu nhà ở xã hội tại các khu, cụm công nghiệp, giải pháp cho các làng truyền thống trong quá trình đô thị hóa.

- Công nghiệp, làng nghề: Dự báo nhu cầu phát triển lao động, việc làm và diện tích cơ sở công nghiệp, bao gồm các khu vực công nghiệp đã có, các khu vực dự kiến bổ sung, các khu vực cần điều chỉnh, xác định các loại hình

công nghiệp. Hoàng Hóa là huyện có nhiều làng nghề truyền thống, yêu cầu nghiên cứu các giải pháp phù hợp để phát triển làng nghề trong thời kỳ mới.

- Dịch vụ - Du lịch: Định hướng quy hoạch hệ thống các cơ sở dịch vụ phục vụ cho hoạt động thương mại, dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ du lịch và các dịch vụ hỗ trợ khác trên địa bàn. Ngoài du lịch biển Hải Tiến, yêu cầu nghiên cứu các loại hình du lịch mới trên địa bàn huyện như: du lịch văn hóa; du lịch Nông nghiệp, du lịch chăm sóc sức khỏe... đồng thời có giải pháp tăng các sản phẩm du lịch nhằm thu hút khách đến Hoàng Hóa cả 4 mùa, tăng thời gian lưu trú của khách du lịch.

Phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, có hàm lượng trí thức và công nghệ cao, trong đó chú trọng phát triển dịch vụ logistics, kinh tế số theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh. Hình thành các trung tâm thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; các tuyến phố thương mại, tài chính, du lịch.

- Nông nghiệp: Định hướng các giải pháp quy hoạch phát triển nông nghiệp, kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy hải sản, phát triển bảo vệ rừng, chuyển đổi chức năng sử dụng đất nếu có ...

- Trụ sở hành chính: Yêu cầu nghiên cứu, phân tích lựa chọn khu vực sẽ là trung tâm hành chính đô thị trong tương lai, phải phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đặc điểm tự nhiên của huyện Hoàng Hóa đồng thời đáp ứng được các yêu cầu, tầm nhìn xa trong thời đại mới.

- Giáo dục và đào tạo và khoa học công nghệ: Đề xuất giải pháp quy hoạch hệ thống các cơ sở đào tạo chất lượng cao, cơ sở nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, các cơ sở đào tạo nghề và hệ thống cơ sở giáo dục phổ thông theo tầng bậc.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở y tế chất lượng cao, phục vụ yêu cầu điều trị, khám chữa bệnh của nhân dân trong vùng, khách du lịch và người dân sinh sống trong các huyện lân cận.

- Văn hóa, thể dục thể thao: Định hướng quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, các cơ sở văn hóa phục vụ phát triển du lịch, phục vụ phát triển cộng đồng, chú ý đặc biệt đến các thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân tại các khu, cụm công nghiệp. Bảo tồn phát huy các giá trị di sản.

#### 5.6. Yêu cầu về thiết kế đô thị

Nội dung thiết kế đô thị trong quy hoạch chung được thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

#### 5.7. Yêu cầu về đánh giá tác động môi trường

Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa phải thực hiện đồng bộ với Đánh giá môi trường chiến lược nhằm kiểm chứng về bố trí các khu vực chức năng, các trung tâm công nghiệp, du lịch, tác động của đô thị hóa của người dân và lao động nông thôn khi thực hiện quy hoạch chung, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi mở rộng các khu đô thị mới, đảm bảo giữ gìn và chuyển hóa hợp

lí khu vực nông nghiệp xung quanh khu vực đô thị hóa hiện nay;

Đánh giá môi trường chiến lược cần tích hợp với kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho riêng tỉnh Thanh Hóa đã công bố, đưa ra các giải pháp môi trường, các khuyến cáo sử dụng đất, cấu trúc đô thị, cơ chế chính sách, nguồn lực, nhằm giảm thiểu các thiệt hại trong trường hợp thiên tai hoặc biến đổi môi trường lớn xảy ra.

#### 5.8. Yêu cầu về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích

Tôn trọng các yếu tố cây xanh, mặt nước, sông hồ đã có trong khu vực, hạn chế tối thiểu việc san lấp các ao hồ. Có phương án sử dụng đất phù hợp vùng ven sông Mã; sông Tào và sông Cung.

Đối với các di sản di tích đã được công nhận, cần có phương án khoanh vùng bảo vệ theo các quy định tại Luật di sản.

Xác định cụ thể không gian vùng phát triển du lịch, định hướng quy hoạch các khu, điểm du lịch. Dự báo chỉ tiêu về phát triển du lịch khu vực nghiên cứu như: sản phẩm, thị trường du lịch, quy mô khách du lịch.

### 6. Các chỉ tiêu về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật

#### 6.1. Dự báo quy mô dân số, đất đai đến năm 2030 và đến năm 2045

| TT   | Loại đất                                                                                 | Chỉ tiêu<br>(m <sup>2</sup> /<br>người) | Năm 2030                              |                                  | Năm 2045                              |                                     |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
|      |                                                                                          |                                         | Dự báo<br>quy mô<br>dân số<br>(người) | Dự báo<br>Quy mô<br>đất đai (ha) | Dự báo<br>quy mô<br>dân số<br>(người) | Dự báo<br>Quy mô<br>đất đai<br>(ha) |
| 1    | Đất đơn vị ở bình quân<br>(đất đơn vị ở mới, chưa<br>bao gồm đất ở hiện<br>trạng và TĐC) | 28-45                                   | 309.359                               | 866,2-<br>1.392,1                | 392.527                               | 1.099-<br>1.766,3                   |
| 2    | Đất công cộng dịch vụ<br>đô thị                                                          | ≥4                                      |                                       | ≥123,7                           |                                       | >157,0                              |
| 3    | Đất công cộng dịch vụ<br>đơn vị ở                                                        | ≥1,5                                    |                                       | ≥46,4                            |                                       | ≥58,4                               |
| 4    | Đất cây xanh đô thị                                                                      | ≥5                                      |                                       | ≥154,6                           |                                       | ≥196,2                              |
| 5    | Đất giao thông                                                                           | ≥9                                      |                                       | ≥278,4                           |                                       | ≥353,2                              |
| Tổng |                                                                                          | 50-80                                   |                                       | 1469,3-<br>1995,2                |                                       | 1863,8-<br>2531,1                   |

(Các chỉ tiêu về đất đai đô thị sẽ được luận chứng, nghiên cứu tính toán khoa học trên cơ sở quy chuẩn, quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương).

#### 6.2. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

| TT | Chỉ tiêu                                                                                  | Đơn vị | Quy hoạch |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|------|
|    |                                                                                           |        | 2030      | 2045 |
| a  | Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tính) so với đất xây dựng đô thị tối thiểu |        |           |      |

|   |                                                   |                        |         |         |
|---|---------------------------------------------------|------------------------|---------|---------|
| - | Tính đến đường liên khu vực                       | %                      | ≥6      | ≥6      |
| - | Tính đến đường khu vực                            | %                      | ≥13     | ≥13     |
| - | Tính đến đường phân khu vực                       | %                      | ≥18     | ≥18     |
| - | Chỉ tiêu bãi đỗ xe toàn đô thị                    | m <sup>2</sup> /người  | ≥4,0    | ≥4,0    |
| b | Cấp nước sinh hoạt (Qsh) tối thiểu                | Lít/ng.ngđ             | ≥80     | ≥80     |
| - | Cấp nước CN tập trung tối thiểu                   | m <sup>3</sup> /ha.ngđ | ≥20     | ≥20     |
| - | Cấp nước dịch vụ, công cộng                       | %                      | ≥10%Qsh | ≥10%Qsh |
| c | Lượng nước thải phát sinh                         |                        | 100%Qsh | 100%Qsh |
|   | Tỷ lệ thug om, xử lý nước thải SH                 | %                      | ≥90     | ≥90     |
|   | Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp (xử lý riêng) | %                      | 100     | 100     |
| d | Lượng thải chất thải rắn phát sinh                |                        |         |         |
|   | Chất thải rắn sinh hoạt                           | kg/ng/ngày             | ≥0,9    | ≥0,9    |
|   | Chất thải rắn công nghiệp                         | tấn/ha                 | ≥0,3    | ≥0,3    |
|   | Tỉ lệ thu gom chất thải rắn                       | %                      | ≥90     | ≥95     |
| e | Cấp điện sinh hoạt                                | kwh/ng/năm             | 1000    | 1000    |
|   | Cấp điện công nghiệp                              | KW/ha                  | 140-250 | 140-250 |

### 6.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội

| Loại công trình                        | Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu |          | Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu |            |
|----------------------------------------|---------------------------------------|----------|--------------------------------|------------|
|                                        | Đơn vị tính                           | Chỉ tiêu | Đơn vị tính                    | Chỉ tiêu   |
| <b>A. Giáo dục</b>                     |                                       |          |                                |            |
| 1. Trường trung học phổ thông          | Học sinh /1.000 người                 | 40       | m2 /1 học sinh                 | 10         |
| <b>B. Y tế</b>                         |                                       |          |                                |            |
| 2. Bệnh viện đa khoa                   | giường/1.000 người                    | 4        | m2/giường bệnh                 | 100        |
| <b>C. Văn hóa - Thể dục thể thao</b>   |                                       |          |                                |            |
| 3. Sân thể thao cơ bản                 |                                       |          | m2/người<br>ha/công trình      | 0,6<br>1,0 |
| 4. Sân Vận động                        |                                       |          | m2/người<br>ha/công trình      | 0,8<br>2,5 |
| 5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao        |                                       |          | m2/người<br>ha/công trình      | 0,8<br>3,0 |
| 6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)     | chỗ/ 1.000 người                      | 8        | ha/công trình                  | 0,5        |
| 7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi) | chỗ/ 1.000 người                      | 2        | ha/công trình                  | 1,0        |
| <b>D. Thương mại</b>                   |                                       |          |                                |            |
| 8. Chợ                                 | công trình                            | 1        | ha/công trình                  | 1,0        |

## 7. Hồ sơ sản phẩm và dự toán

### 7.1. Hồ sơ sản phẩm

#### 7.1.1. Phần khảo sát địa hình

Do vẽ, cập nhật, hiệu chỉnh bản đồ khảo sát địa hình 1/10.000 khu vực nghiên cứu quy hoạch. Hệ tọa độ VN2000 phục vụ nghiên cứu lập Quy hoạch.

#### 7.1.2. Phần bản vẽ quy hoạch.

Nội dung thành phần hồ sơ sản phẩm căn cứ theo thông tư 04/2022/TTBXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

\* Phần bản vẽ quy hoạch

| TT | TÊN BẢN VẼ                                                                                     | HỒ SƠ         |                   |               |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------|---------------|
|    |                                                                                                | Hồ sơ báo cáo | Hồ Sơ trình duyệt | Hồ sơ Thu nhỏ |
| 1  | Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng;                                                              | Tỷ lệ phù hợp | 1/25000           | A3            |
| 2  | Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiến trúc cảnh quan                                             | Tỷ lệ phù hợp | 1/10.000          | A3            |
| 3  | Các bản đồ Hiện trạng hệ thống HTKT, hiện trạng môi trường, đánh giá tổng hợp về đất xây dựng. | Tỷ lệ phù hợp | 1/10.000          | A3            |
| 4  | Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 2 phương án dùng để nghiên cứu, báo cáo)             | Tỷ lệ phù hợp | -                 | -             |
| 5  | Bản đồ QH sử dụng đất và phân khu chức năng                                                    | Tỷ lệ phù hợp | 1/10.000          | A3            |
| 6  | Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị                                                 | Tỷ lệ phù hợp | 1/10.000          | A3            |
| 7  | Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật                                     | Tỷ lệ phù hợp | 1/10.000          | A3            |
| 8  | Hồ sơ thiết kế đô thị theo quy định                                                            | Tỷ lệ phù hợp |                   | A3            |

\* Phần văn bản:

- + Thuyết minh tổng hợp,
- + Tờ trình phê duyệt đồ án,
- + Dự thảo quyết định phê duyệt,
- + Dự thảo quy định quản lý,
- + Các văn bản pháp lý có liên quan,
- + Đĩa CD Rom lưu trữ các tài liệu nêu trên.

### 7.2. Dự toán kinh phí

UBND tỉnh Thanh Hoá tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch chung đô thị theo quy định tại Thông tư số: 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý

chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Kinh phí thực hiện đồ án được tính trên cơ sở lập quy hoạch, nghiên cứu đồ án trên địa giới hành chính toàn huyện, bổ sung những vấn đề mới, những định hướng mới, có tiếp thu một phần kết quả đồ án đã lập.

Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **8. Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan chủ quản đầu tư và trình phê duyệt: UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Chủ đầu tư: UBND huyện Hoằng Hóa;
- Cơ quan tư vấn khảo sát, lập quy hoạch: Theo quy định của pháp luật.
- Thời gian và tiến độ thực hiện lập quy hoạch: Không quá 12 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt nhiệm vụ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, trình duyệt, xin ý kiến các cấp, các ngành).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND huyện Hoằng Hóa căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo về HĐND huyện.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và pháp luật liên quan.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hoằng Hóa khóa XXI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- HĐND tỉnh; UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (b/c);
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- MTTQ huyện và các đoàn thể cấp huyện;
- Các cơ quan, ban phòng, ngành cấp huyện;
- HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Lưu VT.



**Lê Xuân Thu**